Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.10.10

Mã HS	9017.10.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Bảng và máy vẽ phác, tự động hoặc không tự động: / - - Máy vẽ (Plotters)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:31:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90171010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18058
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18058
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18058
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17371
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17300
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17300
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17300
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17300
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17300
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17300
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17356
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17356
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17356
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17356

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17356
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17356
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17357
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17357
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17357
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17357
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17357
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17357
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17362
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17318
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17314
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17314
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17314
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17314
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17314
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17314
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17360
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17360
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17360
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17360
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17360
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17360
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17422
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17422
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17422
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17422
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17422
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17398
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17398
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17398
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17398
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17398
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17398
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17393
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17393
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17393
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17393
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17393
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17393
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17423
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17423
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17423
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17423
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17423
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17423
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17422
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17422
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17422
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17422
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17422
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17516
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17516
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17516
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17516
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17516
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17516
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17516
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17385
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17385
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17385
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17385
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17385
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17385
RCEP B	2022	2022	0	B!D17385
RCEP B	2023	2023	0	B!E17385
RCEP B	2024	2024	0	B!F17385
RCEP B	2025	2025	0	B!G17385
RCEP B	2026	2026	0	B!H17385
RCEP B	2027	2027	0	B!I17385
RCEP C	2022	2022	0	C!D17383
RCEP C	2023	2023	0	C!E17383
RCEP C	2024	2024	0	C!F17383
RCEP C	2025	2025	0	C!G17383
RCEP C	2026	2026	0	C!H17383
RCEP C	2027	2027	0	C!I17383
RCEP D	2022	2022	0	D!D17382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17382
RCEP D	2024	2024	0	D!F17382
RCEP D	2025	2025	0	D!G17382
RCEP D	2026	2026	0	D!H17382
RCEP D	2027	2027	0	D!I17382
RCEP E	2022	2022	0	E!D17386
RCEP E	2023	2023	0	E!E17386
RCEP E	2024	2024	0	E!F17386
RCEP E	2025	2025	0	E!G17386
RCEP E	2026	2026	0	E!H17386
RCEP E	2027	2027	0	E!I17386
RCEP F	2022	2022	0	F!D17385
RCEP F	2023	2023	0	F!E17385
RCEP F	2024	2024	0	F!F17385
RCEP F	2025	2025	0	F!G17385
RCEP F	2026	2026	0	F!H17385
RCEP F	2027	2027	0	F!I17385
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16300
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16300
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16300
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16300

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9017.10 có 2 dòng thuế; dòng 9017.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy vẽ (Plotters).	9017.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9017.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18058), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.